

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày 27-8-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-DS ngày 14/3/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-DS ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V).

Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (theo Văn bản ủy quyền số 809/2019/UQ-VPB ngày 16/02/2019 và Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018; Văn bản ủy quyền số 5434/2019/UQ-HĐQT ngày 12/7/2019):

1/ Ông Mai Quốc V, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ V AMC.(vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ V AMC.(vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ V AMC.(vắng mặt)

4/ Ông Hoàng Đức Q, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ V AMC. (vắng mặt)

5/ Ông Nguyễn Thành R, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ V AMC.(có mặt)

Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP Việt Nam T chi nhánh Đà Nẵng, tầng 4, số 112 Phan Chu TRh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm: 1964.(vắng mặt)

Địa chỉ: 151 đường A, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V) ông Nguyễn Thành R trình bày:

Ông Huỳnh Ngọc Th ký hợp đồng tín dụng vay của V Sơn Trà theo đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 10161602, giải ngân ngày 08/11/2016 được thể hiện bằng đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể theo hợp đồng:

Ông Th vay số tiền vay 200.000.000đ.

Thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, tức là tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/11/2021.

Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng

Theo thỏa Th hợp đồng, ông Th vay theo hình thức tín chấp; mức lãi suất thỏa Th trong hạn là 30%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Huỳnh Ngọc Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V), do đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Th vi phạm thỏa Th về thanh toán được quy định tại Điều 6 Hợp đồng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông Th phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Quá trình vay, ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 44.448.309đ trong 11 lần. Cụ thể: thanh toán từ ngày 08/12/2016 đến ngày 30/5/2019.

Và đã thanh toán số tiền nợ lãi là: 70.675.352đ, thanh toán trong 45 lần. Trong đó nợ lãi trong hạn ông Th đã thanh toán là 36.218.596đ; nợ lãi quá hạn ông Th đã thanh toán là 34.456.756đ; tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán ông Th đã thanh toán là 9.700.394đ.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Huỳnh Ngọc Th phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 10161602, giải ngân ngày 08/11/2016. Cụ thể: số tiền ông Th nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 15/01/2019 là: Nợ gốc 185.451.691đ; nợ lãi 73.403.042đ; tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/01/2019 là 258.854.733đ (Hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng). Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị ông Th phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh, phạt chậm trả theo thỏa Th tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 08/11/2016 cho đến ngày ông Th thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Từ ngày 15/01/2019 đến nay, trong quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án thì ông Th đã thanh toán tiếp cho Ngân hàng chúng tôi số tiền nợ gốc là 29.900.000đ, nợ lãi không thanh toán thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng tôi xác nhận lại số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền phạt chậm trả (được quy định tại Khoản 3 điều 7 của Hợp đồng)

mà ông Th còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V) tính đến ngày xét xử (ngày 27/8/2019) mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Th phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 155.551.691đ; Nợ lãi tính đến ngày 27/8/2019: 141.368.583đ (lãi trong hạn là 13.610.546đ tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày 07/9/2017; lãi quá hạn là 127.758.037đ tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày 27/8/2019); tiền phạt vi phạm là 56.713.697đ tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày 27/8/2019. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi và tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán Ngân hàng yêu cầu là: 353.633.971đ.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông Th trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông Th vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Huỳnh Ngọc Th phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 10161602, giải ngân ngày 08/11/2016. Cụ thể: số tiền ông Th nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 15/01/2019 là: Nợ gốc 185.451.691đ; nợ lãi 73.403.042đ; tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/01/2019 là 258.854.733đ (Hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng) . Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị ông Th phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh, phạt chậm trả theo thỏa Th tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 08/11/2016 cho đến ngày ông Th thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng xác nhận lại số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền phạt chậm trả mà ông Th còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V) tính đến ngày xét xử (ngày 27/8/2019) là: Nợ gốc 155.551.691đ; Nợ lãi tính đến ngày 27/8/2019 là 141.368.583đ; tiền phạt vi phạm 56.713.697đ tính từ ngày

08/9/2017 đến ngày 27/8/2019. Tổng cộng số tiền Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Th phải trả là 353.633.971đ.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Ngọc Th đề đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Th vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy ông Th không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 01/11/2016 ông Th đã ký kết Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn (kiêm Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP Việt Nam T, được Ngân hàng phê duyệt ngày 08/11/2016 với nội dung: Ông Th xin vay số tiền 200.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (tức là tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/11/2021); lãi suất vay hai bên thỏa Th trong hạn là 30%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150% của mức lãi suất trong hạn.

Yêu cầu vay tiền của ông Th đã được Ngân hàng TMCP Việt Nam T phê duyệt bằng Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 10161602 và giải ngân ngày 08/11/2016, vay không có tài sản đảm bảo và phía Ngân hàng cũng đã thực hiện việc giải ngân số tiền mà ông Th vay vào ngày 08/11/2016.

Theo thỏa Th trong hợp đồng, ông Huỳnh Ngọc Th có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi trả trong vòng 60 tháng tính từ ngày 08/11/2016 cho đến ngày 08/11/2021.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Th mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được số tiền nợ gốc là: 44.448.309đ; nợ lãi là: 70.675.352đ (Trong đó nợ lãi trong hạn là 36.218.596đ; nợ lãi quá hạn là 34.456.756đ); tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán ông Th đã thanh toán là 9.700.394đ. Số tiền ông Th đã thanh toán này bao gồm cả khoản tiền 29.900.000đ mà ông Th thanh toán cho Ngân hàng trong quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông Th tính đến ngày xét xử (ngày 27/8/2019) mà Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Th phải trả là 353.633.971đ. Trong đó: nợ gốc 155.551.691đ; nợ lãi tính đến ngày 27/8/2019 là 141.368.583đ; tiền phạt vi phạm tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày 27/8/2019 là 56.713.697đ.

HĐXX thấy: Do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa Th hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP Việt Nam T chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với ông Th và khởi kiện để yêu cầu ông Th thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc,

nợ lãi và phạt chậm trả cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với thỏa Th đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Huỳnh Ngọc Th thể hiện tại Điều 2; Điều 6; Điều 7 Mục II của Bản Điều Khoản và Điều Kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dung cá nhân kèm theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn (kiêm Hợp đồng tín dụng) được ký và Ngân hàng phê duyệt ngày 08/11/2016.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, buộc ông Huỳnh Ngọc Th phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 353.633.971đ (trong đó: nợ gốc 155.551.691đ; nợ lãi tính đến ngày 27/8/2019 là 141.368.583đ; tiền phạt vi phạm tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày 27/8/2019 là 56.713.697đ) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm ông Th phải chịu là 17.681.698đ

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.471.368đ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với ông Huỳnh Ngọc Th về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc ông Huỳnh Ngọc Th phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 353.633.971đ (Ba trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi một đồng). Trong đó nợ gốc 155.551.691đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 27/8/2019 là 141.368.583đ; tiền phạt chậm trả do vi phạm tính đến ngày xét xử 27/8/2019 là 56.713.697đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.681.698đ (Mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm chín mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.471.368đ (Sáu triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001975 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Huỳnh Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga